

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 22 – LỚP 4

Bài 1: Rút gọn các phân số:

$$\frac{12}{27} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{39}{75} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{48}{78} = \dots\dots\dots$$

$$\frac{120}{90} = \dots\dots\dots$$

Bài 2: Quy đồng mẫu số các phân số sau:

a) $\frac{7}{9}$ và $\frac{2}{5}$

.....

b) $\frac{6}{7}$ và $\frac{17}{21}$

.....

c) $\frac{2}{3}$; $\frac{1}{4}$ và $\frac{5}{9}$

.....

Bài 3: Điền dấu (> ; < ; =)

$$\frac{5}{8} \dots \frac{6}{8}$$

$$\frac{14}{17} \dots \frac{41}{17}$$

$$\frac{2}{5} \dots \frac{4}{10}$$

$$\frac{15}{14} \dots 1$$

$$\frac{7}{12} \dots \frac{5}{12}$$

$$\frac{25}{34} \dots \frac{25}{34}$$

$$\frac{7}{9} \dots \frac{2}{3}$$

$$\frac{18}{23} \dots 1$$

Bài 4 : Viết các phân số:

a) $\frac{3}{7}$; $\frac{2}{7}$; $\frac{5}{7}$; $\frac{4}{7}$ theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) $\frac{5}{9}$; $\frac{2}{9}$; $\frac{7}{9}$; $\frac{8}{9}$ theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 5: Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp :

a) So sánh $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$

Quy đồng mẫu số của $\frac{3}{4}$ và $\frac{5}{7}$ được

Vì Vậy

b) So sánh $\frac{7}{8}$ và $\frac{5}{6}$

Quy đồng mẫu số của

Vì Vậy

c) So sánh $\frac{3}{4}$ và $\frac{13}{16}$

.....
.....

d) So sánh $\frac{11}{15}$ và $\frac{33}{39}$

.....
.....

Bài 6: Điền dấu ($>$; $<$; $=$)

$$\frac{9}{8} \dots \frac{8}{9}$$

$$\frac{8}{11} \dots \frac{8}{10}$$

$$\frac{13}{15} \dots \frac{11}{10}$$

$$\frac{16}{23} \dots \frac{16}{25}$$

$$\frac{10}{13} \dots \frac{19}{26}$$

$$\frac{11}{9} \dots \frac{44}{36}$$

Bài 7: Viết tiếp vào chỗ chấm:

An ăn hết $\frac{1}{3}$ cái bánh, Bình ăn hết $\frac{2}{5}$ cái bánh, Hoa ăn hết $\frac{1}{2}$ cái bánh. Hỏi ai ăn nhiều bánh nhất, ai ăn ít bánh nhất?

Đáp số:

Bài 8: Viết tiếp vào chỗ chấm:

Tìm hai phân số vừa lớn hơn $\frac{1}{5}$ vừa bé hơn $\frac{1}{2}$.

Đáp số: